

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất năm 2022
tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Đức Cơ**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Luật Đấu giá Tài sản năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính Quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản; Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính Quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ tư Pháp, hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá.

Căn cứ Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND tỉnh Gia Lai, Ban hành Quy định về tổ chức thực hiện đấu giá QSD đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Căn cứ Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai đến năm 2035.



Căn cứ Thông báo số 134-TB/VP ngày 31/3/2022 của huyện ủy Đức Cơ, thông báo kết luận của Thường trực Huyện ủy về tờ trình của UBND huyện

Căn cứ Quyết định số 857/QĐ-UBND ngày 03/5/2012 của UBND huyện Đức Cơ về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất chi tiết tại thôn Ia Lâm, xã Ia Krêl, huyện Đức Cơ;

Căn cứ Quyết định số 2414/QĐ-UBND ngày 07/6/2016 của UBND huyện Đức Cơ về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư thôn Ia Mút, xã Ia Nan, huyện Đức Cơ; Quyết định số 1090/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của UBND huyện Đức Cơ về phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư thôn Ia Mút, xã Ia Nan, huyện Đức Cơ;

Căn cứ Quyết định số 3151/QĐ-UBND, ngày 27/12/2017 của UBND huyện phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư Tổ dân phố 7 (Đối diện trường TH Kim Đồng), thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ.

Căn cứ Quyết định số 1290/QĐ-UBND, ngày 28/7/2021 của UBND huyện, về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Điểm dân cư tổ dân phố 7 (Phía Tây Công an huyện), huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai

Căn cứ Quyết định số 1823/QĐ-UBND, ngày 01/10/2019 của UBND huyện Đức Cơ phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết sử dụng đất thôn Ia Lâm, xã Ia Kriêng, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của UBND huyện Đức Cơ, về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư thôn Ia Mút, xã Ia Dom, huyện Đức Cơ.

Căn cứ Quyết định số 3150/QĐ-UBND, ngày 27/12/2017, về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết sử dụng đất thôn Ia Lâm (Đường vào UBND xã Ia Kriêng), xã Ia Kriêng, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của UBND huyện Đức Cơ về việc điều chỉnh mục đích quy hoạch sử dụng đất tại thôn Lâm Tôk, thôn Păng Tul, xã Ia Dok và điều chỉnh kích thước lô đất thuộc quy hoạch sử dụng đất chi tiết tại làng Đo, xã Ia Dok, huyện Đức Cơ;

Căn cứ Quyết định số 1288/QĐ-UBND, ngày 28/7/2021 của UBND huyện, về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu sản xuất, thương mại – dịch vụ huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ Quyết định số 1289/QĐ-UBND, ngày 28/7/2021 của UBND huyện, về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Điểm dân cư thôn Thanh Tân, xã Ia Krêl huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai.

Xét đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 78/TTr-TNMT ngày 31/3/2022; Báo cáo số: 32 /BC-TNMT ngày 07/ 4/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án số 01/PA-TNMT ngày 31/3/2022 của Phòng Tài nguyên và Môi trường (Phương án đấu giá QSD đất năm 2022 tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Đức Cơ).

Điều 2. Căn cứ Phương án đấu giá quyền sử dụng đất được phê duyệt tại Điều 1, giao Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp các cơ quan đơn vị, UBND các xã, thị trấn có quỹ đất đấu giá tổ chức triển khai thực hiện.

Văn phòng HĐND-UBND huyện công khai Quyết định này trên Trang thông tin điện tử huyện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Trưởng phòng Tài chính Kế hoạch, Trưởng phòng Kinh tế - Hạ tầng, Trưởng phòng Tư pháp, Chi cục Trưởng chi cục Thuế; Chủ tịch UBND các xã Ia Kriêng, Ia Dom, Ia Dơk, Ia Nan, Ia Krêl, Ia Pnôn và Thị trấn Chư Ty; Giám đốc VPĐKĐĐ-Chi nhánh huyện Đức Cơ; thủ trưởng các cơ quan; đơn vị và các tổ chức; cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT Huyện ủy (b/cáo);
- TT HĐND huyện (b/cáo);
- Lãnh đạo UBND huyện; VP;
- Lưu VT- VP

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Phận



Số: 01 /PA - TNMT

Đức Cơ, ngày 31 tháng 3 năm 2022

PHƯƠNG ÁN
ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022
TẠI CÁC XÃ, THỊ TRẤN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐỨC CƠ

Thực hiện Thông báo số 134-TB/VP ngày 31/3/2022 của Huyện ủy Đức Cơ, thông báo kết luận của Thường trực Huyện ủy về tờ trình của UBND huyện; ý kiến chỉ đạo của UBND huyện, về việc triển khai công tác đấu giá quyền sử dụng đất năm 2022.

Phòng Tài nguyên và Môi trường xây dựng Phương án đấu giá quyền sử dụng đất năm 2022 tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Đức Cơ. Cụ thể như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Đấu giá Tài sản năm 2016;
- Luật đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;
- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;
- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu giá tài sản;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính Quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản;
- Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;
- Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;
- Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục

tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất;

- Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính Quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản;

- Thông tư 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ tư Pháp, hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá.

- Quyết định 22/2021/QĐ-UBND, ngày 25/8/2021 của UBND tỉnh Gia Lai, Ban hành Quy định về tổ chức thực hiện đấu giá QSD đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

- Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai đến năm 2035.

- Quyết định số 857/QĐ-UBND ngày 03/5/2012 của UBND huyện Đức Cơ, về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất chi tiết tại thôn Ia Lâm, xã Ia Krêl, huyện Đức Cơ;

- Quyết định số 2414/QĐ-UBND ngày 07/6/2016 của UBND huyện Đức Cơ, về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư thôn Ia Mút, xã Ia Nan, huyện Đức Cơ; Quyết định số 1090/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của UBND huyện Đức Cơ về phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư thôn Ia Mút, xã Ia Nan, huyện Đức Cơ;

- Quyết định số 3151/QĐ-UBND, ngày 27/12/2017 của UBND huyện Đức Cơ, về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư Tổ dân phố 7 (Đối diện trường TH Kim Đồng), thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ;

- Quyết định số 1290/QĐ-UBND, ngày 28/7/2021 của UBND huyện Đức Cơ, về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Điểm dân cư tổ dân phố 7 (Phía Tây Công an huyện), huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai;

- Quyết định số 1823/QĐ-UBND, ngày 01/10/2019 của UBND huyện Đức Cơ, về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết sử dụng đất thôn Ia Lâm, xã Ia Kriêng, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai;

- Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của UBND huyện Đức Cơ, về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư thôn Ia Mút, xã Ia Dom, huyện Đức Cơ.

- Quyết định số 3150/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của UBND huyện Đức Cơ, về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết sử dụng đất thôn Ia Lâm (Đường vào UBND xã Ia Kriêng), xã Ia Kriêng, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai;

- Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của UBND huyện Đức Cơ, về việc điều chỉnh mục đích quy hoạch sử dụng đất tại thôn Lâm Tók, thôn Păng Tul, xã Ia Dok và điều chỉnh kích thước lô đất thuộc quy hoạch sử dụng đất chi tiết tại làng Đo, xã Ia Dok, huyện Đức Cơ;

- Quyết định số 1288/QĐ-UBND, ngày 28/7/2021 của UBND huyện Đức Cơ, về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu sản xuất, thương mại – dịch vụ huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai.

- Quyết định số 1289/QĐ-UBND, ngày 28/7/2021 của UBND huyện Đức Cơ, về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Điểm dân cư thôn Thanh Tân, xã Ia Krêl huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai.

II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐÁU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

1. Loại đất, vị trí, diện tích các thửa đất đấu giá

1.1. Trên địa bàn thị trấn Chư Ty: 155 lô; tổng diện tích 25.240,78m².

Trong đó:

1.1.1. Loại đất đấu giá: Đất ở đô thị.

- Tổng diện tích: 25.155,78m² (154 lô).

- Vị trí:

+ Đường Quang Trung và đường Tuyến 2 (Khu vực đối diện trường Tiểu học Kim Đồng): 63 lô, diện tích 13.108m².

+ Đường Quang Trung và đường Tuyến 2 (Phía Tây Công an huyện): 83 lô, diện tích 11.091,78m².

+ Đường Nguyễn Văn Linh: 3 lô, diện tích 358m².

+ Đường Anh Hùng Núp: 2 lô, diện tích 240m².

+ Đường Tăng Bạt Hổ: 3 lô, diện tích 358m².

1.1.2. Loại đất đấu giá: Đất thương mại, dịch vụ.

- Tổng diện tích: 85m² (01 lô).

- Vị trí: Thửa đất số 96, tờ bản đồ 10 tại Đường Quang Trung, Tổ dân phố

4, TT. Chư Ty (Cạnh CN Ngân hàng BIDV).

1.2. Trên địa bàn xã Ia Dom: 10 lô.

- Loại đất đấu giá: Đất ở nông thôn.

- Tổng diện tích: 1.846m²

- Vị trí: Đường Quốc lộ 19, khu quy hoạch thôn Ia Mút (Khu F)

1.3. Trên địa bàn xã Ia Nan: 22 lô.

- Loại đất đấu giá: Đất ở nông thôn.

- Tổng diện tích: 7.252,5m².

- Vị trí: Đường Liên xã, khu quy hoạch thôn Ia Mút (Khu C), đoạn từ Nhà

Kiểm lâm địa bàn đi Trạm xá Công ty TNHH MTV 72.

1.4. Trên địa bàn Ia Kriêng: 13 lô.

- Loại đất đấu giá: Đất ở nông thôn.

- Diện tích: 2.637m².

- Vị trí: Khu A - Đường Tuyến II (Gần Ban chỉ huy quân sự huyện).

1.5. Trên địa bàn xã Ia Kêl: 82 lô, tổng diện tích 22.140,64m². Trong đó:

1.5.1. Loại đất đấu giá: Đất ở nông thôn.

- Tổng diện tích: 11.571,8m² (68 lô).

- Vị trí:

+ Đường Quốc lộ 19 - Khu quy hoạch thôn Thanh Tân: 60 lô, diện tích 9.962,8m².

+ Đường Tuyến 2 - Khu quy hoạch thôn Ia Lâm Tôk (Khu A): 07 lô, diện tích 1.459m².

+ Đường Thanh Niên nối dài (lô đất xen kẽ trong khu dân cư): 01 lô, diện tích 150m².

1.5.2. Loại đất đầu giá: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.

- Tổng diện tích: 10.568,84m² (07 lô).

- Vị trí: Khu sản xuất tập trung huyện.

1.6. Trên địa bàn xã Ia Đok: 20 lô.

- Loại đất đầu giá: Đất ở nông thôn.

- Tổng diện tích: 3.880,6m².

- Vị trí:

+ Đường liên huyện (làng Đo): 15 lô, diện tích 2.760,6m².

+ Đường liên huyện (Thôn Păng Tul cũ): 05 lô, diện tích 1.120m².

1.7. Trên địa bàn xã Ia Pnôn: 15 lô.

- Loại đất đầu giá: Đất ở nông thôn.

- Tổng diện tích: 2.875,5m².

- Vị trí: Đường liên huyện (khu quy hoạch làng Triêl).

(Cụ thể ở từng xã, thị trấn có bảng tổng hợp kèm theo).

2. Về hạ tầng kỹ thuật, mật độ xây dựng và tài sản gắn liền với đất:

- Về hạ tầng kỹ thuật: Các khu vực, vị trí nêu trên đã được đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng: Đường giao thông (nhựa), điện sinh hoạt.

- Tài sản gắn liền với đất: Không (đất đã được giải phóng mặt bằng).

- Về chỉ giới xây dựng và khoảng lùi xây dựng:

+ Đối với các khu vực tại Đường Quang Trung (Tổ dân phố 7 đối diện trường TH Kim Đồng và Phía Tây Công an huyện) – thị trấn Chư Ty; Đường Quốc lộ 19: thôn Ia Mút, Ia Dom và Thôn Thanh Tân, xã Ia Krêl; Đường Tuyến II: Tổ dân phố 7 đối diện trường TH Kim Đồng và Phía Tây Công an huyện – thị trấn Chư Ty; thôn Ia Lâm, xã Kriêng thực hiện theo quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư đã được phê duyệt (chỉ giới xây dựng lùi vào từ 3-5m so với chỉ giới đường đỏ);

+ Đối với các khu vực còn lại: Thực hiện theo Quy hoạch xây dựng thị trấn Chư Ty và Quy hoạch nông thôn mới đã được phê duyệt

- Hiện trạng sử dụng đất: Đất trống chưa giao sử dụng.

3. Mục đích, hình thức giao đất và thời hạn sử dụng đất:

- Đối với đất ở đô thị (ODT) và đất ở nông thôn (ONT):

+ Hình thức giao đất: Giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.

+ Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

- Đối với đất thương mại, dịch vụ (TMD):

+ Hình thức thuê đất: Cho thuê đất thu tiền một lần cho cả thời gian thuê theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.

+ Thời hạn sử dụng đất: 50 năm.

- Đối với đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC):

+ Hình thức thuê đất: Cho thuê đất thu tiền hàng năm theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.

+ Thời hạn sử dụng đất: 50 năm.

4. Thời gian, địa điểm tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất:

- Thời gian: Dự kiến tổ chức vào tháng 5/2022.

- Địa điểm: Tại Hội trường UBND thị trấn Chư Ty.

5. Đối tượng tham gia đấu giá:

- Người tham gia đấu giá quyền sử dụng đất phải thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định tại Điều 55, Điều 56 của Luật Đất đai năm 2013.

- Những người sau đây không được tham gia đấu giá:

+ Người không có năng lực hành vi dân sự, người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc người tại thời điểm đăng ký tham gia đấu giá không nhận thức, làm chủ được hành vi của mình;

+ Người làm việc trong tổ chức đấu giá tài sản thực hiện cuộc đấu giá; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá; người trực tiếp giám định, định giá tài sản; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người trực tiếp giám định, định giá tài sản;

+ Người được chủ sở hữu tài sản ủy quyền xử lý tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản, người ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản của người khác theo quy định của pháp luật;

+ Cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người được chủ sở hữu tài sản ủy quyền xử lý tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản, người ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản của người khác theo quy định của pháp luật;

+ Người không có quyền mua tài sản đấu giá theo quy định của pháp luật áp dụng đối với loại tài sản đó.

6. Điều kiện được đăng ký tham gia đấu giá:

Có đơn đăng ký và nộp khoản tiền đặt trước, tiền mua hồ sơ đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định.

7. Mức phí tham gia đấu giá và khoản tiền đặt trước phải nộp khi tham gia đấu giá:

Người tham gia đấu giá phải đăng ký trong thời hạn được thông báo, phải nộp phí tham gia đấu giá và một khoản tiền đặt trước, theo quy định sau:

7.1. Mức phí tham gia đấu giá:

- Mức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền bán hồ sơ tham gia đấu giá thực hiện theo Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản.

- Mức phí khi người đăng ký tham gia đấu giá phải nộp như sau:

* Đất ở đô thị (ODT) và đất ở nông thôn (ONT):

+ Đối với lô đất có giá trị quyền sử dụng đất (theo giá khởi điểm) từ 200 triệu đồng trở xuống: Mức thu: 100.000 đồng/hồ sơ.

+ Đối với lô đất có giá trị quyền sử dụng đất (theo giá khởi điểm) từ trên 200 triệu đồng đến 500 triệu đồng: Mức thu: 200.000 đồng/hồ sơ.

+ Đối với lô đất có giá trị quyền sử dụng đất (theo giá khởi điểm) từ trên 500 triệu đồng: Mức thu: 500.000 đồng/hồ sơ.

* Đất thương mại, dịch vụ (TMD); đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC):

+ Đối với lô đất diện tích đất từ 0,5 ha trở xuống: Mức thu: 1.000.000 đồng/hồ sơ.

+ Đối với lô đất diện tích đất từ 0,5 ha đến 2 ha: Mức thu: 3.000.000 đồng/hồ sơ.

Khoản phí này nộp cho tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp khi đăng ký tham gia đấu giá và không trả lại cho người đã đăng ký tham gia.

7.2. Khoản tiền đặt trước phải nộp khi tham gia đấu giá: Mức thu bằng 15% giá khởi điểm của lô đất đấu giá.

8. Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu gián tiếp (Trình tự thực hiện theo nội quy đấu giá do Tổ chức đấu giá chuyên nghiệp lập).

9. Bước giá:

- Mỗi lần trả giá (bỏ phiếu) phải trả giá cao hơn giá khởi điểm tối thiểu là 5 triệu đồng và được làm tròn số đến hàng trăm ngàn đồng.

- Bỏ phiếu lại đối với 01 (một) lô đất có từ 02 (hai) người trở lên cùng trả giá cao nhất bằng nhau thì phân chênh lệch giữa lần trả giá sau lớn hơn lần trả giá trước liền kề là 5 triệu (năm triệu đồng).

10. Kinh phí, nguồn chi phí tổ chức thực hiện việc đấu giá: Sử dụng nguồn thu từ phí tham gia đấu giá và ngân sách huyện đảm bảo.

11. Dự kiến giá trị thu được và đề xuất việc sử dụng kinh phí từ đấu giá:

- Dự kiến giá trị thu được: 86.497.395.000 đồng.

- Việc sử dụng kinh phí thu từ đấu giá quyền sử dụng đất: Tiền thu được từ đấu giá quyền sử dụng đất được đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng; các công trình phúc lợi công cộng, trích nộp về Tổ chức phát triển quỹ đất tỉnh theo quy định và chỉ cho công tác đo đạc địa chính cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các trường hợp trúng đấu giá và theo kế hoạch hàng năm trên địa bàn huyện, chi phí cho công tác tổ chức định giá và đấu giá quyền sử dụng đất.

12. Lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản: Việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản thực hiện theo quy định tại Điều 56 luật đấu giá tài sản năm 2016 và Thông tư 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ tư Pháp.

13. Đơn vị được giao tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất: Phòng Tài nguyên và Môi trường.

14. Thành phần tham gia giám sát, bảo vệ cuộc đấu giá:

- Thành phần tham gia giám sát, gồm: Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị: Văn phòng HĐND-UBND huyện, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Tài chính Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng, Công an huyện, Chi cục Thuế huyện, UBND các xã, thị trấn nơi có đất.

Các thành phần tham gia giám sát có trách nhiệm giám sát việc thực hiện cuộc đấu giá đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Lực lượng bảo vệ cuộc đấu giá:
- + Công an huyện: 02 người;
- + Công an thị trấn Chư Ty: 02 người;

15. Thời gian người trúng đấu giá thực hiện nghĩa vụ tài chính:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá, người trúng đấu giá thực hiện kê khai giấy tờ theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường, nộp kèm theo quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá (bản sao) tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai - Chi nhánh huyện Đức Cơ.

- Trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày Chi cục thuế ban hành thông báo về thực hiện nghĩa vụ tài chính, người trúng đấu giá phải nộp 100% tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ vào ngân sách nhà nước theo địa điểm ghi trong thông báo; đồng thời gửi các chứng từ nộp tiền về Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai - Chi nhánh huyện Đức Cơ để thực hiện các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Quá thời hạn nêu trên, người trúng đấu giá không nộp đủ số tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ sẽ bị phạt nộp chậm và quá 15 ngày kể từ ngày hết hạn nếu không nộp đủ số tiền sử dụng đất sẽ bị hủy kết quả trúng đấu giá và người trúng đấu giá không được hoàn trả khoản tiền đã đặt trước.

16. Hủy kết quả trúng đấu giá:

Kết quả trúng đấu giá bị hủy theo quy định tại Điều 72 Luật đấu giá tài sản năm 2016 và trong trường hợp người trúng đấu giá không nộp tiền trúng đấu giá theo đúng thời hạn vào ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 21, Điều 1 Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ. Trong trường hợp kết quả trúng đấu giá bị hủy, người trúng đấu giá không được hoàn trả khoản tiền đặt cọc trước.

Việc hủy kết quả đấu giá chỉ thực hiện khi có Thông báo 02 lần trong vòng 10 ngày kể từ ngày hết hạn và hết 15 ngày kể từ ngày hết hạn nhưng người trúng đấu giá vẫn không nộp tiền.

Đơn vị được giao tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất có trách nhiệm thông báo ngay việc hủy kết quả trúng đấu giá theo quy định cho người trúng đấu giá biết, tiền đặt trước không được hoàn trả và nộp vào ngân sách nhà nước.

17. Tổ chức đấu giá lại:

Trường hợp lô, thửa đất không có Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá hoặc đấu giá không thành (nguyên nhân không phải do giá khởi điểm cao) thì sau 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tổ chức cuộc đấu giá liền kề trước kết thúc, các lô thửa đất trên sẽ tiếp tục đấu giá lại mà không cần phê duyệt lại phương án đấu giá và lựa chọn lại Tổ chức đấu giá. Trình tự, thủ tục đấu giá lại được tiến hành như đối với việc đấu giá quyền sử dụng đất lần đầu.

18. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan:

- Phòng Tài nguyên và Môi trường:

+ Chuẩn bị hồ sơ có liên quan đến thửa đất đấu giá, lập và trình UBND huyện phê duyệt Phương án đấu giá, Quyết định đấu giá quyền sử dụng đất.

+ Tham mưu, đề xuất UBND huyện dự toán kinh phí đo đạc trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo địa chính thửa đất đấu giá, đồng thời chủ động thuê đơn vị tư vấn đo đạc để thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các trường hợp trúng đấu giá theo quy định

+ Lựa chọn và ký hợp đồng với Tổ chức đấu giá chuyên nghiệp để thực hiện cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất.

+ Định kỳ hàng tuần kể từ ngày thông báo tiếp nhận hồ sơ của người tham gia đấu giá cho đến khi kết thúc, báo cáo kết quả thực hiện về UBND huyện biết để theo dõi, chỉ đạo.

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận bàn giao hồ sơ và Biên bản kết quả thực hiện cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất từ Tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp, có trách nhiệm kiểm tra và trình Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất.

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất, tổ chức bàn giao giấy chứng nhận và bàn giao đất ngoài thực địa cho người trúng đấu giá.

- **Phòng Tài chính Kế hoạch:** Sau khi UBND huyện ban hành quyết định đấu giá đất, có trách nhiệm lập phương án tăng hệ số điều chỉnh giá đất đấu giá, quyết định phê duyệt giá khởi điểm đấu giá đất, trình cấp thẩm quyền ban hành.

- Trung tâm văn hóa, Thông tin và Thể thao:

Trung tâm văn hóa, Thông tin và Thể thao phối hợp Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng các nội dung về đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện.

- Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai - Chi nhánh Đức Cơ:

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người trúng đấu giá, có trách nhiệm hướng dẫn công dân kê khai thuế, kiểm tra tính đầy đủ, chính xác của hồ sơ và lập Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất chuyển cho Chi cục Thuế kèm theo hồ sơ quy định tại Điều 4 Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND ngày 11/4/2018 của UBND tỉnh Gia Lai.

+ Sau khi người trúng đấu giá QSD đất hoàn thành nghĩa vụ tài chính, trong thời gian 03 ngày có trách nhiệm hoàn chỉnh và chuẩn bị hồ sơ để Phòng Tài nguyên và Môi trường trình UBND huyện cấp GCN QSD đất cho người trúng đấu giá.

- **Chi cục thuế:** Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ từ Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai - Chi nhánh Đức Cơ chuyển đến, có trách nhiệm xác định và ban hành thông báo về nghĩa vụ tài

chính theo quy định. Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày ký phải chuyển Thông báo đến người trúng đấu giá.

- **Công an huyện:** Cử lực lượng tham gia bảo vệ cuộc bán đấu giá, chủ trì xây dựng phương án và chỉ đạo lực lượng bảo vệ cuộc bán đấu giá đảm bảo an toàn, trật tự.

- **Các cơ quan, đơn vị có liên quan** (Văn phòng HĐND-UBND huyện, Phòng Tư Pháp, Kinh tế Hạ tầng...): Phối hợp thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- **UBND thị trấn Chư Ty:**

+ Chuẩn bị địa điểm (Hội trường) và các điều kiện cần thiết để thực hiện cuộc bán đấu giá.

+ Chỉ đạo Công an thị trấn cử lực lượng tham gia bảo vệ cuộc bán đấu giá.

- **UBND các xã Ia Dom, Ia Kriêng, Ia Dok, Ia Nan, Ia Krêl, Ia Pnôn và thị trấn Chư Ty:**

+ Phối hợp với Đơn vị tổ chức đấu giá xác định và cắm mốc ranh giới, biển lô đất bán đấu giá ngoài thực địa;

+ Phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức bàn giao đất ngoài thực địa và thực hiện các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các trường hợp trúng đấu giá.

+ Quản lý việc sử dụng đất sử dụng đất của người trúng đấu giá sau khi nhận bàn giao đất đảm bảo đúng mục đích, kích thước, ranh giới thửa đất đã được cấp thẩm quyền phê duyệt

Trên đây là Phương án đấu giá quyền sử dụng đất năm 2022 tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Đức Cơ, các nội dung khác không quy định trong phương án thì thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Phòng Tài nguyên và Môi trường kính đề nghị UBND huyện xem xét phê duyệt./.

Nơi nhận:

- UBND huyện (B/c);
- Các đơn vị: VP HĐND-UBND huyện, TC-KH, KT-HT, Tư Pháp, Chi cục thuế, Công an huyện, CN VPĐKĐĐ; TT.VHTT&TT
- UBND xã Ia Dom, Ia Nan, Ia Krêl, Ia Dok, Ia Pnôn ; Ia Kriêng và TT Chư Ty ;
- Lưu TNMT.LT

TRƯỞNG PHÒNG



Lê Bá Nam



**BẢNG TỔNG HỢP CÁC LÔ ĐẤT ĐẦU GIÁ NĂM 2022
TẠI CÁC XÃ, THỊ TRẤN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐỨC CỜ**

(Kèm theo Phương án số: **01** /PA-TNMT ngày **31** tháng **03** năm 2022 của Phòng Tài nguyên và Môi trường)

TT	Khu vực, vị trí	Diện tích (lô/m ²)	Tổng diện tích (m ²)	Giá đất theo QĐ số 59/20219/QĐ-UBND của UBND tỉnh (đồng/m ²)	Dự kiến số tiền thu được (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	TT. CHƯ TY: 155 lô		25.240,8		57.211.840.000,0	
1	Thửa đất số 96, tờ bản đồ 10 tại Đường Quang Trung (Cạnh Ngân hàng BIDV): Vị trí 1: Đoạn từ đường Nguyễn Văn Trỗi đến đường Tăng Bạt Hổ		85	10.200.000	3.034.500.000,00	
2	Khu vực QH đối diện với trường TH Kim Đồng: 63 lô		13.108		19.837.656.000	Chỉ giới XD vào 5m so với chỉ giới đường đỏ
a	Đường Quang Trung (Vị trí 1: Từ đường vào Trường Nguyễn Hiền đến đường vào Sư Đoàn BB DBĐV 15 (cũ)): 2 lô		420		1.398.600.000	
-	B13, B17	210,0	420	900.000	1.398.600.000	
b	Đường tuyến II (Vị trí 1: Từ đường vào trường THCS Nguyễn Hiền đến đường Phan Bội Châu): 61 lô		12.688		18.439.056.000	
-	Khu B: 1 lô		210		298.620.000	
+	Lô B58	210,0	210	600.000	298.620.000	
-	Khu C: 31 lô		6.322		9.386.604.000	
+	Lô C32	232,0	232	600.000	363.312.000	Lô góc
+	Lô C33-C61	210,0	6.090	600.000	8.659.980.000	
+	Lô C62	232,0	232	600.000	363.312.000	Lô góc
-	Khu E: 29 lô		6.156		8.753.832.000	
+	Lô E22, E23, E44	232,0	696	600.000	989.712.000	Lô góc
+	Lô E16 -E21; E24-E43	210,0	5.460	600.000	7.764.120.000	
3	Khu vực QH tổ dân phố 7 (Phía Tây Công an huyện) : 83 lô		11.091,78		32.272.464.000	Chỉ giới XD vào 5m so với chỉ giới đường đỏ
a	Đường Quang Trung (Vị trí 1: Từ đường vào Sư đoàn BB DBĐV 15 (cũ) - hết ranh giới thị trấn): 30 lô		5.277,73		17.416.509.000	
-	Khu B: 15 lô		2.887,50		9.528.750.000	
+	Lô B1- LôB15	192,5	2.887,50	800.000	9.528.750.000	
-	Khu A: 15 lô		2.390,23		7.887.759.000	
+	Lô A1	173,2	173,18	800.000	571.494.000	
+	Lô A2	169,2	169,16	800.000	558.228.000	
+	Lô A3	165,6	165,62	800.000	546.546.000	
+	Lô A4	162,6	162,55	800.000	536.415.000	
+	Lô A5	160,0	159,95	800.000	527.835.000	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(9)	(10)
+	Lô A6	157,8	157,82	800.000	520.806.000	
+	Lô A7	156,2	156,16	800.000	515.328.000	
+	Lô A8	155,0	154,97	800.000	511.401.000	
+	Lô A9	154,3	154,25	800.000	509.025.000	
+	Lô A10	154,0	153,99	800.000	508.167.000	
+	Lô A11	154,2	154,21	800.000	508.893.000	
+	Lô A12	154,9	154,89	800.000	511.137.000	
+	Lô A13	156,1	156,05	800.000	514.965.000	
+	Lô A14	157,7	157,67	800.000	520.311.000	
+	Lô A15	159,8	159,76	800.000	527.208.000	
b	Đường tuyến 2 (Vị trí 1: Từ Công an huyện đến giáp ranh giới xã Ia Phôn): 53 lô		5.814,05		14.855.955.000	
-	Khu A: 22 lô		4.620		6.569.640.000	
+	Lô A23-A44	210,0	4.620	500.000	6.569.640.000	
-	Khu B: 31 lô		1.194,05		8.286.315.000	
+	Lô B32	165,0	232	500.000	348.000.000	Lô góc
+	Lô B33, B36, B40, B47, B51	192,4	962,05	500.000	1.368.035.100	
+	Lô B34, B37, B41, B44, B48	192,6	962,95	500.000	1.369.314.900	
+	Lô B35, B38, B39, B42, B45, B46, B49, B50, B53-B62	192,5	3.657,50	500.000	5.200.965.000	
+	Lô B52	192,3	192,32	500.000	288.480.000	Lô góc
4	Lô đất xen kẽ trong khu dân cư đường Nguyễn Văn Linh (Vị trí 1): 03 lô		358		700.480.000	
-	TĐ số: 776 - TĐĐ: 33	118	118	800.000	245.440.000	Lô góc
-	TĐ số: 775 - TĐĐ: 33	120	120	800.000	227.520.000	
-	TĐ số: 774 - TĐĐ: 33	120,0	120	800.000	227.520.000	
5	Lô đất xen kẽ trong khu dân cư đường Anh Hùng Núp (Vị trí 1: Đoạn từ đường Hoàng Văn Thụ đến đường vào Khu dân cư TDP5 (qua Bệnh viện)): 02 lô		240		540.000.000	
-	TĐ số: 172 - TĐĐ: 35	120	120	900.000	270.000.000	
-	TĐ số: 173 - TĐĐ: 35	120	120	900.000	270.000.000	
6	Lô đất xen kẽ trong khu dân cư đường Tăng Bạt Hổ (Vị trí 1: đoạn từ đường Nguyễn Chí Thanh đến đường Anh Hùng Núp): 03 lô		358		826.740.000	
-	TĐ số: 195 - TĐĐ: 35	120	120	900.000	270.000.000	
-	TĐ số: 196 - TĐĐ: 35	120	120	900.000	270.000.000	
-	TĐ số: 197 - TĐĐ: 35	118,0	118	900.000	286.740.000	Lô góc
II	Xã Ia Dom: Khu F -đường Quốc lộ 19B (KV1-VT2): 10 lô		1846		2.468.970.000	Chỉ giới XD vào 5m so với chỉ giới đường đỏ
-	F38	285,0	280	300.000	401.850.000	Lô góc
-	F29-F37	174,0	1.566	300.000	2.067.120.000	
III	Xã Ia Nan: Khu C - thôn Ia Mút (KV2-VT1): 22 lô		7252,50		4.586.391.000	
-	Lô C01	320,6	320,60	180.000	201.978.000	
-	Lô C02	320,2	320,20	180.000	201.726.000	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(9)	(10)
-	Lô C03	319,9	319,90	180.000	201.537.000	
-	Lô C04	319,9	319,90	180.000	201.537.000	
-	Lô C05	319,5	319,50	180.000	201.285.000	
-	Lô C06	319,2	319,20	180.000	201.096.000	
-	Lô C07	319,2	319,20	180.000	201.096.000	
-	Lô C08	318,8	318,80	180.000	200.844.000	
-	Lô C09	318,5	318,50	180.000	200.655.000	
-	Lô C10	318,5	318,50	180.000	200.655.000	
-	Lô C11	318,1	318,10	180.000	200.403.000	
-	Lô C12	317,8	317,80	180.000	200.214.000	
-	Lô C13	317,8	317,80	180.000	200.214.000	
-	Lô C14	317,8	317,80	180.000	200.214.000	
-	Lô C15	317,4	317,40	180.000	199.962.000	
-	Lô C16	317,1	317,10	180.000	199.773.000	
-	Lô C17	317,1	317,10	180.000	199.773.000	
-	Lô C18	316,7	316,70	180.000	199.521.000	
-	Lô C24	341,2	341,20	180.000	214.956.000	
-	Lô C26	345,9	345,90	180.000	217.917.000	
-	Lô C27	350,3	350,30	180.000	220.689.000	
-	Lô C32	481,0	481,00	180.000	320.346.000	Lô góc
IV	Xã Ia Kriêng: Đường tuyến II, thôn Ia Lâm (KV1-VT4) : 13 lô		2.637		2.390.400.000	Chỉ giới XD vào 3m so với chỉ giới đường đỏ
-	Lô A18	285,0	285	300.000	273.600.000	Lô góc
-	Lô A19-A30	196,0	2.352	300.000	2.116.800.000	
V	Xã Ia Krêl: 82 lô		22.140,64		17.290.000.800	
a	Thôn Thanh Tân (KV1-VT2): 60 lô		9.962,80		13.804.186.000	Chỉ giới XD vào 3m so với chỉ giới đường đỏ
-	<i>Khu đất LK6: 9 lô</i>		<i>1.612,50</i>		<i>2.244.662.000</i>	
+	LK6-1	211,0	211,00	460.000	310.592.000	Lô góc
+	LK6-2 - LK6-6	175,3	876,50	460.000	1.209.570.000	
+	LK6-7 - LK6-9	175,0	525,00	460.000	724.500.000	
-	<i>Khu đất LK9: 40 lô</i>		<i>6.397,90</i>		<i>8.829.102.000</i>	
+	LK9-1	202,9	202,90	460.000	280.002.000	
+	LK9-2 - LK9-3	175,0	350,00	460.000	483.000.000	
+	LK9-4	187,8	187,80	460.000	259.164.000	
+	LK9-5- LK9-9	175,0	875,00	460.000	1.207.500.000	
+	LK9-10	178,0	178,00	460.000	245.640.000	
+	LK9-11 - LK9-12	175,0	350,00	460.000	483.000.000	
+	LK9-13	181,2	181,20	460.000	250.056.000	
+	LK9-14 - LK9-16	175,0	525,00	460.000	724.500.000	
+	LK9-17	190,8	190,80	460.000	263.304.000	
+	LK9-18 - LK9-21	175,0	700,00	460.000	966.000.000	
+	LK9-22	178,7	178,70	460.000	246.606.000	
+	LK9-23 - LK9- 26	175,0	700,00	460.000	966.000.000	
+	LK9-27	184,1	184,10	460.000	254.058.000	
+	LK9-28 - LK9-30	175,0	525,00	460.000	724.500.000	
+	LK9-31	197,6	197,60	460.000	272.688.000	
+	LK9-32 - LK9-39	175,0	700,00	460.000	966.000.000	
+	LK9-40	171,8	171,80	460.000	237.084.000	
-	<i>Khu đất LK15: 3 lô</i>		<i>566,30</i>		<i>801.393.600,0</i>	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(9)	(10)
+	LK15-1 - LK15-2	175,0	350,00	460.000	483.000.000	
+	LK15-3	216,3	216,30	460.000	318.393.600	Lô góc
-	Khu đất LK18: 8 lô		1.386,10		1.929.028.400	
+	LK18 -1	176,2	176,20	460.000	259.366.400	Lô góc
+	LK18 -2	174,9	174,90	460.000	241.362.000	
+	LK18 -3	174,8	174,80	460.000	241.224.000	
+	LK18 -4	173,5	173,50	460.000	239.430.000	
+	LK18 -5	162,1	162,10	460.000	223.698.000	
+	LK18 -6	168,9	168,90	460.000	233.082.000	
+	LK18 -7	169,4	169,40	460.000	233.772.000	
+	LK18 -8	186,3	186,30	460.000	257.094.000	
b	Lô xen kẽ khu dân cư (Đường Thanh niên: KV1-VT2)	150,0	150	460.000	241.500.000	
c	Khu A- Thôn Ia Lâm Tók (Đường Tuyến III: KV1 - VT4): 7 lô		1.459		919.170.000	
+	Lô A1	199,0	199	150.000	125.370.000	
+	Lô A2	202,0	202	150.000	127.260.000	
+	Lô A3	205,0	205	150.000	129.150.000	
+	Lô A4	208,0	208	150.000	131.040.000	
+	Lô A5	212,0	212	150.000	133.560.000	
+	Lô A6	215,0	215	150.000	135.450.000	
+	Lô A7	218,0	218	150.000	137.340.000	
d	Khu SX-TM-DV (Khu tiểu thủ công nghiệp huyện: Đường Đ3): 14 lô		10.568,84		2.325.144.800	
+	SXKDM-1	812,2	812,24	1.100.000	178.692.800	
+	SXKDM-2	609,4	609,38	1.100.000	134.063.600	
+	SXKDM-3	179,3	179,30	1.100.000	39.446.000	
+	SXKDM-4	902,3	902,26	1.100.000	198.497.200	
+	SXKDM-5	857,8	857,76	1.100.000	188.707.200	
+	SXKDM-6	847,6	847,61	1.100.000	186.474.200	
+	SXKDM-7	720,4	720,39	1.100.000	158.485.800	
+	SXKDM-8	893,6	893,63	1.100.000	196.598.600	
+	SXKDM-9	926,6	926,63	1.100.000	203.858.600	
+	SXKDM-10	900,0	900,00	1.100.000	198.000.000	
+	SXKDM-11	900,2	900,17	1.100.000	198.037.400	
+	SXKDM-12	902,7	902,65	1.100.000	198.583.000	
+	SXKDM-13	935,9	935,85	1.100.000	205.887.000	
+	SXKDM-14	181,0	180,97	1.100.000	39.813.400	
VII	Xã Ia Dók		3.880,60		1.969.373.455	
a	Làng do (Đường liên huyện: KV1-VT2): 15 lô		2.760,60		1.400.982.415	
+	Lô số 50	172,1	172,10	180.000	87.339.373	
+	Lô số 49	176,0	176,00	180.000	89.318.592	
+	Lô số 48	179,9	179,90	180.000	91.297.811	
+	Lô số 47	184,1	184,10	180.000	93.429.277	
+	Lô số 46	187,9	187,90	180.000	95.357.747	
+	Lô số 45	192,0	192,00	180.000	97.438.464	
+	Lô số 44	196,0	196,00	180.000	99.468.432	
+	Lô số 43	200,2	200,20	180.000	101.599.898	
+	Lô số 42	203,9	203,90	180.000	103.477.619	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(9)	(10)
+	Lô số 41	208,1	208,10	180.000	105.609.085	
+	Lô số 40	151,2	151,20	180.000	76.732.790	
+	Lô số 39	162,6	162,60	180.000	82.518.199	
+	Lô số 38	175,2	175,20	180.000	88.912.598	
+	Lô số 37	187,3	187,30	180.000	95.053.252	
+	Lô số 36	184,1	184,10	180.000	93.429.277	
b	Thôn Păng Tul (Đường liên huyện: KV1-VT2): 05 lô		1.120		568.391.040	
+	Lô 18- 22	224,0	1.120	180.000	568.391.040	
IV	Xã Ia Pnôn (Làng Triêl: KV2-VT3) : 15 lô		2.872,50		580.420.000	
-	Lô 294, 295	185,0	370,00	80.000	79.920.000	Lô góc
-	Lô 286-293; 296-300	192,5	2.502,50	80.000	500.500.000	
Tổng cộng: 317 lô			65.870,02		86.497.395.255	
Làm tròn số					86.497.395.000	